

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CƯƠNG QUY NHƠN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM CƯƠNG QUY NHƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUY NHON DIAMOND JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUY NHON DIAMOND JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 4101481586

3. Ngày thành lập: 21/02/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

07 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Lý Thường Kiệt, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0563 522 181

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà các loại	4100
2.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, bán buôn đồ uống không có cồn	4633
3.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán ô tô, xe tải	4511
5.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ. Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	0322
6.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
7.	Giáo dục mầm non (Doanh nghiệp không trực tiếp thực hiện các hoạt động giáo dục, chỉ thực hiện hoạt động giáo dục tại trường và các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của Luật Giáo dục)	8510
8.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
9.	Cơ sở lưu trú khác	5590
10.	Xây dựng công trình công ích	4220
11.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Bán mô tô, xe máy	4541
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

15.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ	1629
16.	Khai thác thủy sản nội địa Chi tiết: khai thác thủy sản nước lợ. Khai thác thủy sản nước ngọt	0312
17.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
18.	Trồng rừng và chăm sóc rừng Chi tiết: Ươm cây lâm nghiệp. Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ.	0210
19.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng, dụng cụ thể dục thể thao, cần câu và thiết bị câu cá, đồ dùng cắm trại, thuyền và xe đạp thể thao.	4763
20.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
21.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23.	Đại lý du lịch	7911
24.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch	9321
25.	Trồng cây lâu năm khác	0129
26.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
27.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
28.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
29.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
30.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
32.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
33.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
34.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
35.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
36.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
38.	Bán buôn thực phẩm	4632
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ đồ dùng và dụng cụ y tế)	4649

40.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
41.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
42.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
45.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
46.	Quảng cáo	7310
47.	Phá dỡ	4311
48.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
49.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
50.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác. Bán buôn xăng, dầu và các sản phẩm liên quan. Bán buôn khí đốt hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.	4661
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
52.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế	7912
53.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
54.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
55.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
56.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
58.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
59.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn	7110
65.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
66.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
67.	Cho thuê xe có động cơ	7710
68.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
69.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm thương mại	8230

70.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
71.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
72.	Khai thác thủy sản biển	0311
73.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
74.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn và không có cồn trong các cửa hàng chuyên doanh (đồ uống không nhằm tiêu dùng ngay tại cửa hàng) như: - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: côca côla, pépsi côla, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác. - Bán lẻ rượu vang và bia có chứa cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn.	4723
75.	Vận tải bằng xe buýt	4920
76.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
77.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
78.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
79.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
80.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
82.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Đại lý đổi ngoại tệ	6419
83.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Thuốc lá điếu, xì gà; - Thuốc Lào.	4724
84.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
85.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
88.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
89.	Hoạt động chiếu phim	5914

90.	Giáo dục tiểu học (Doanh nghiệp không trực tiếp thực hiện các hoạt động giáo dục, chỉ thực hiện hoạt động giáo dục tại trường và các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của Luật Giáo dục)	8520
91.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm)	4772
92.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồng hồ mắt kính trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ sách, truyện các loại; - Bán lẻ báo, tạp chí, bưu thiếp, ấn phẩm khác; - Bán lẻ văn phòng phẩm: bút mực, bút bi, bút chì, giấy, cặp hồ sơ...	4761
94.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đĩa nhạc, băng âm thanh, đĩa compac, băng cátset đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình; - Bán lẻ băng video và DVDs đã hoặc chưa ghi âm, ghi hình.	4762
95.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
96.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý điện thoại; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa	4610
97.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
98.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
100.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: hoạt động biểu diễn nghệ thuật, điêu khắc	9000
101.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
102.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
103.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210

104.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
105.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ trông giữ xe	5229
107.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông (Doanh nghiệp không trực tiếp thực hiện các hoạt động giáo dục, chỉ thực hiện hoạt động giáo dục tại trường và các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của Luật Giáo dục)	8531
108.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề (Doanh nghiệp không trực tiếp thực hiện các hoạt động giáo dục, chỉ thực hiện hoạt động giáo dục tại trường và các cơ sở giáo dục được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập theo quy định của Luật Giáo dục)	8532
109.	(* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 250.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÀNH THỊ THÚY LIỄU	Xóm Phước Lộc, thôn Phước Trung 2, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	1,000	225424050	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	1,000		
2	LÊ THÀNH CÔNG	81/1 Đồng Nai, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	2,000	225326762	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	2,000		

3	LÊ HÀ GIANG	89A Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	24.250. 000	242.500.000.00 0	97,000	225114759	
			Tổng số	24.250. 000	242.500.000.00 0	97,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRƯỜNG MINH KHAI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/12/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024038759

Ngày cấp: 18/03/2014 Nơi cấp: công an tphcm

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 331 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: A 205 Khu phố Hưng Vượng I, KĐT Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định